|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND  **“Dự thảo”** | *TP. Bến Tre, ngày tháng năm 2020* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2020**

**của Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre**

**I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của Thành phố Bến Tre**

**1.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên**

- Thành phố Bến Tre thuộc tỉnh Bến Tre được thành lập theo Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ. Diện tích tự nhiên là 6.742,11 ha, gồm 16 đơn vị hành chính cấp xã: Phường 1, Phường 2, Phường 3, Phường 4, Phường 5, Phường 6, Phường 7, Phường 8, Phường Phú Khương, Phường Phú Tân, Xã Sơn Đông, Xã Bình Phú, Xã Phú Hưng, Xã Mỹ Thạnh An, Xã Phú Nhuận, Xã Nhơn Thạnh. Đến ngày 05 tháng 4 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 49/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành để mở rộng địa giới hành chính thành phố Bến Tre, điều chỉnh xã Mỹ Thành của huyện Châu Thành vào thành phố Bến Tre. Do đó, Thành phố Bến Tre có diện tích tự nhiên 7.104,84 ha, có 17 đơn vị hành chính cấp xã.

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Châu Thành.

- Phía Đông và Đông Nam giáp huyện Giồng Trôm.

- Phía Tây và Tây Nam giáp huyện Mỏ Cày Bắc và sông Hàm Luông.

- Trên địa bàn Thành phố Bến Tre có Quốc lộ 60 đi qua tạo thuận lợi kết nối với các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Vĩnh Long… Nằm cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 87km và Thành phố Cần Thơ khoảng 110km đường bộ. Bên cạnh đó, Thành phố Bến Tre có hệ thống sông ngòi chằng chịt tạo điều kiện thuận lợi trong việc thoát nước đô thị, giao thông đường thủy và đặc biệt là phát triển loại hình du lịch sinh thái, sông nước.

- Ngày 10 tháng 01 năm 2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 856/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bến Tre, thì Thành phố Bến Tre còn 08 phường (phường An Hội, phường 4, phường 5, phường 6, phường 7, phường 8, phường Phú Khương và phường Phú Tân), 06 xã (xã Nhơn Thạnh, xã Phú Nhuận, xã Bình Phú, xã Mỹ Thạnh An, xã Phú Hưng và xã Sơn Đông).

**1.2. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội**

Thành phố Bến Tre là trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng an ninh của tỉnh Bến Tre. Trên địa bàn thành phố Bến Tre hiện có 05 cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề (Phân hiệu Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Bến Tre, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Thường xuyên tỉnh Bến Tre, Trường Cao đẳng Đồng Khởi và Trường Trung cấp nghề Bến Tre), có 19 cơ sở Y tế (có 02 bệnh viện tuyến tỉnh: Bệnh viện đa khoa Nguyễn Đình Chiểu, Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An), có khoảng 1.325 doanh nghiệp, công ty; có 9.741 hộ kinh doanh cá thể, hệ thống giao thông đối ngoại và đối nội… là điều kiện cho Thành phố Bến Tre phát triển.

Trong những năm qua được sự quan tâm của các cấp chính quyền, các chính sách phát triển đúng đắn cùng với những nỗ lực cao của nhân dân, Đảng bộ và các cấp, kinh tế - xã hội của thành phố Bến Tre có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những thành tựu quan trọng về nhiều mặt; khẳng định là một Trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh. Nền kinh tế tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, thu ngân sách và thu hút đầu tư đạt kết quả tốt, kết cấu hạ tầng được đầu tư phát triển mạnh, đồng bộ; văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội được bảo đảm, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện; quốc phòng – an ninh được giữ vững. Thu nhập bình quân đầu người đạt 56 triệu đồng/người/năm, giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản tăng bình quân 1,31%/năm, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng bình quân tăng 8,17%/năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa bình quân tăng 14,50%/năm *(báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2015-2020)*.

- Dân số Thành phố Bến Tre có 201.667 người, gồm 32.780 hộ. Tỷ lệ tăng dân số là 1,84%; trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,39%.

- Thành phố Bến Tre có nguồn lao động khá dồi dào, tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành phi nông nghiệp chiếm 83,53%.

- Thành phố Bến Tre là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bến Tre được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 174/QĐ/TTg công nhận vào ngày 13 tháng 02 năm 2019.

**\* Một số chỉ tiêu về kinh tế – xã hội của Thành phố Bến Tre đạt được năm 2019 (so với năm 2018)**

- Cơ cấu kinh tế (%): Công nghiệp – xây dựng 15,36%, Nông nghiệp 0,74%, Thương mại, dịch vụ 83,90%.

- Tổng doanh thu thương mại – dịch vụ ước đạt 34.994 tỷ đồng, tăng 14,16%;

- Giá trị công nghiệp - xây dựng ước đạt 6.407,80 tỷ đồng, tăng 8,05%;

- Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 307,52 tỷ đồng, tăng 1,40%;

- Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 474,145 tỷ đồng, bằng 119% so với năm 2018.

- Đạt thêm 10 tiêu chí Đề án thành phố văn minh đô thị, vượt 02 tiêu chí;

- 02 phường được công nhận phường văn minh đô thị;

- Kéo giảm 06,12% hộ nghèo.

- Lao động qua đào tạo đạt 2.315 người, tăng 9,87%;

- Huy động trẻ 05 tuổi vào mẫu giáo; 06 tuổi vào lớp 01 đạt 100%;

- Tỷ lệ học sinh bỏ học bậc tiểu học 0%, giảm 0,04%;

- Tỷ lệ học sinh bỏ học bậc Trung học cơ sở 0,28%, giảm 0,17%;

- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng còn 9,20%, giảm 0,01%;

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế đạt 91%, tăng 06%;

**2. Thuận lợi**

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Đảng, Nhà nước quan tâm; cả hệ thống chính trị vào cuộc; nhân dân đồng thuận; sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các Sở ngành tỉnh, các phòng, ban ngành đoàn thể thành phố trong triển khai thực hiện Chương trình.

- Thành phố Bến Tre được công nhận là đô thị loại II, kết cấu hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư; kinh tế phát triển theo hướng đẩy mạnh phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp phát triển theo hướng đô thị, tạo ra sản phẩm đặc trưng mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

- Vị trí địa lý của Thành phố Bến Tre thuận lợi cho việc phát triển về kinh tế- xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng. Là một mắt xích quan trọng trong việc nối kết chuỗi các đô thị Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Vĩnh Long.

- Việc phát triển mạng lưới điện, bưu chính viễn thông, hình thành các Trung tâm thương mại cũng là một yếu tố quan trọng để Thành phố Bến Tre đẩy nhanh tốc độ phát triển. Các dịch vụ đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân trong và ngoài tỉnh.

- Nhận thức của người dân về mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ đó từng người dân phát huy vai trò chủ thể của mình và đồng thuận trong triển khai thực hiện Chương trình.

**3. Khó khăn**

- Hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác chưa cao do năng lực điều hành của Ban quản lý hợp tác xã và tổ hợp tác còn hạn chế, các mối liên kết chưa chặt chẽ, thiếu bền vững nên đầu ra sản phẩm chưa ổn định.

- Người dân còn trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước nên tiến độ thực hiện các tiêu chí, đầu việc do hộ gia đình tự thực hiện nhìn chung còn chậm do đó ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đạt chuẩn xã nông thôn mới.

**II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Các văn bản Trung ương**

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Nghị Quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- Quyết định 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 04 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

**2. Các văn bản của tỉnh**

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 02 tháng 8 năm 2011 của Tỉnh ủy Bến Tre về việc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bến Tre;

- Đề án số 5297/ĐA-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về Tổng thể xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thông qua Đề án tổng thể xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Kế hoạch số 1014/KH-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bến Tre năm 2012 đến năm 2020;

- Kết luận số 249-KL/TU ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Tỉnh ủy khóa IX về việc “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020”;

- Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về định mức hỗ trợ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Bến Tre giai đoạn 2019-2020;

- Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2019-2020;

**3. Các văn bản của thành phố Bến Tre**

- Chỉ thị số 02-CT/ThU ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Thành ủy Bến Tre về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Bến Tre lần thứ X nhiệm kỳ 2010-2015;

- Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy Bến Tre về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

- Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc tổ chức phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Bến Tre giai đoạn 2012-2015;

- Quyết định số 3902/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc củng cố Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc Xây dựng nông thôn mới thành phố Bến Tre;

- Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Bến Tre lần thứ XI nhiệm kỳ 2015-2020;

- Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc bổ nhiệm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng và các thành viên Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Bến Tre;

- Kế hoạch số 1764/KH-BCĐ ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Bến Tre giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;

- Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Bến Tre giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Bến Tre về định mức hỗ trợ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Bến Tre giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc tổ chức thực hiện Phòng trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 01-NQ-/ThU ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Thành ủy Bến Tre về phương hướng, nhiệm vụ năm 2020;

- Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre về việc thực hiện Thành phố Bến Tre hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Ngoài ra, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Bến Tre đã bàn hành các văn bản chỉ đạo khác để kiểm tra, giám sát và hướng dẫn các xã thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.

**III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG THÀNH PHỐ BẾN TRE HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

**1.1. Tổ chức Bộ máy quản lý các cấp**

- Cấp Thành phố:

+ Thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, bổ nhiệm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, các thành viên Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới thành phố Bến Tre; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới thành phố Bến Tre. Bố trí 03 viên chức chuyên trách nông thôn mới do Phòng Kinh tế thành phố quản lý.

+ Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Bến Tre giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015. Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo trong việc thực hiện chương trình.

+ Thành lập 06 Tổ hỗ trợ các xã thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Định kỳ hàng tháng kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Cấp xã:

+ Đảng uỷ xã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do đồng chí Bí thư Đảng uỷ xã làm Trưởng ban, đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Phó Trưởng ban; thành viên Ban Chỉ đạo gồm cấp uỷ, cán bộ ban ngành, đoàn thể liên quan.

+ Các xã (06/06 xã) đã thành lập Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban. Đồng thời, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, công chức xã phụ trách từng tiêu chí để tổ chức thực hiện; 06/06 xã đã bố trí cán bộ kiêm nhiệm theo dõi phụ trách Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

+ 100% các xã có thành lập Ban phát triển ấp và thành lập Ban Giám sát đầu tư cộng đồng để tham gia giám sát các công trình đầu tư xây dựng cơ bản. Ban Phát triển ấp do đồng chí Bí thư chi bộ hoặc Trưởng ấp làm Trưởng ban;

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố, cấp xã được kiện toàn kịp thời sau khi có sự thay đổi về tổ chức, nhân sự nên việc chỉ đạo, theo dõi và thực hiện Chương trình trên địa bàn luôn đảm bảo thường xuyên và liên tục.

**1.2. Công tác chỉ đạo điều hành**

- Trong triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân thành phố đã đưa nội dung thực hiện xây dựng nông thôn mới vào chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hàng năm ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã triển khai kịp thời các văn bản của Trung ương, tỉnh về hướng dẫn xây dựng nông thôn mới.

- Yếu tố góp phần thành công của Chương trình xây dựng nông thôn mới trong thời gian qua là công tác chỉ đạo điều hành đã đặc biệt quan tâm đến vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, từ đó đã phát huy vai trò tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố đã phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Phát huy được vai trò tích cực vận động đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham gia thực hiện các công trình phần việc tại hộ gia đình từ đó đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng nông thôn mới. Cụ thể, Hội Nông dân trong phát triển sản xuất và vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Hội Phụ nữ trong công tác vận động hội viên hưởng ứng phong trào thi đua “*5 không, 3 sạch*” gắn với phong trào thi đua “*Chung sức xây dựng nông thôn mới*”; Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh xã với phong trào “xanh-sạch-đẹp” tạo nên những tuyến đường hoa, xây dựng những tuyến đường giao thông liên xóm, phát triển kinh tế trong thanh niên nông thôn; Mặt trận Tổ quốc với công tác giám sát cộng đồng đảm bảo các dự án xây dựng hạ tầng nông thôn tại 100% xã trên địa bàn thành phố đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.

Trong quá trình thực hiện, Thành phố Bến Tre bám sát văn bản chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành tỉnh; thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo, phân công hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, báo cáo tiến độ định kỳ hàng tuần, tháng, đảm bảo thông tin kịp thời và phối hợp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong điều kiện và thẩm quyền để thực hiện đạt tiến độ kế hoạch.

**2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

**a) Công tác truyền thông**

Công tác tuyên truyền, vận động là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đây được xác định là một trong những biện pháp tổ chức thực hiện trọng tâm xuyên suốt trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Sau khi Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 02 tháng 08 năm 2011 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới được ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền cho các thành viên Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể thành phố và Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới để phát động phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố.

- Từ năm 2011 đến nay, công tác tuyên truyền được các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các xã thực hiện thường xuyên, liên tục trên quan điểm dựa vào nội lực cộng đồng là chính, người dân là chủ thể, Nhà nước giữ vai trò hỗ trợ, quán triệt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng” trong triển khai thực hiện Chương trình. Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố, các xã đã chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức và nội dung phong phú, đa dạng tạo chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động của cán bộ, đảng viên, hội viên và nhân dân đối với công tác xây dựng nông thôn mới. Qua 10 năm thực hiện, đã xây dựng trên 90 cụm panô, phát 11.140 tờ bướm tuyên truyền về xây dựng xã nông thôn mới; tuyên truyền trên đài truyền thanh thành phố, các xã được 5.740 cuộc, tuyên truyền trực tiếp thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi tổ hội, tổ nhân dân tự quản được 11.205 cuộc, có 336.150 lượt người tham dự; Đài truyền thanh thành phố thực hiện viết bản tin tuyên truyền qua website thành phố, báo Đồng Khởi, phối hợp phát trên Đài truyền hình tỉnh,... Các nội dung tuyên truyền chủ yếu tập trung vào mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình; các cơ chế chính sách liên quan đến chương trình; nhiệm vụ các cấp và người dân với Chương trình. Tổ chức 584 cuộc tọa đàm ở các ấp, xã, nội dung bàn giải pháp thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, 15 phần việc hộ gia đình tự thực hiện, qua đó phát huy vai trò chủ thể của người dân trong thực hiện và giám sát quá trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

- Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đô thị văn minh" và phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" được triển khai và thực hiện rộng khắp trên địa bàn thành phố. Hàng năm, thành phố tập trung thực hiện nâng chất phong trào xây dựng đời sống văn hóa, kiểm tra tái công nhận xã văn hóa nông thôn mới.

Qua tuyên truyền đã góp phần giúp cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ hơn về tầm quan trọng, ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới và nâng cao ý thức trong việc tham gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, đã có những hành động thiết thực như xây dựng và nâng cấp nhà ở đảm bảo đạt chuẩn, xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, tham gia bảo hiểm y tế, đóng góp tiền, đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và công sức để góp phần xây dựng nông thôn mới. Hưởng ứng các phong trào thi đua do cấp trên phát động cùng với việc thực hiện các phong trào khác, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trên địa bàn hưởng ứng tích cực; xuất hiện nhiều tấm gương điển hình với những đóng góp sáng kiến, giải pháp, tiền của, đất đai hoa màu để xây dựng các công trình chung; tích cực thực hiện công việc của chính mình để góp phần nâng chất, đạt chuẩn các tiêu chí nông thôn mới, nhất là các tiêu chí khó.

**b) Công tác đào tạo, tập huấn**

Hàng năm, thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia thành phố, thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các xã, Ban phát triển các ấp được tham gia tập huấn kiến thức, chủ trương mới về công tác xây dựng nông thôn mới. Đến nay, đã phối hợp nhiều Sở ngành tỉnh tổ chức 25 lớp tập huấn cho cán bộ thành phố, xã và Ban phát triển ấp, có 875 lượt đại biểu tham dự. Qua đó giúp cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp cập nhật kịp thời các chính sách, quy định mới trong quá trình thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

**3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Bến Tre**

Tổng kinh phí đã thực hiện: 569.854,277 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương 63.398 triệu đồng, chiếm 11,12%

- Ngân sách tỉnh 147.357 triệu đồng, chiếm 25,86%

- Ngân sách thành phố 155.540 triệu đồng, chiếm 27,29%

- Ngân sách xã 2.462,264 triệu đồng, chiếm 0,43%

- Vốn vay tín dụng 23.607,2 triệu đồng, chiếm 4,14%

- Doanh nghiệp 8.266,87 triệu đồng, chiếm 1,45%

- Nhân dân đóng góp 153.687,133 triệu đồng, chiếm 26,98%

- Vốn khác 15.535,81 triệu đồng, chiếm 2,73%

**IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA THÀNH PHỐ BẾN TRE**

**1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định**

- Tổng số xã trên địa bàn thành phố: 06 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 06 xã.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

**2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã**

**2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch**

Hiện tại, 06/06 xã của thành phố đã hoàn thành công tác lập và công bố quy hoạch, các xã đều có Quy chế Quản lý quy hoạch và hoàn thành việc cắm mốc các bảng thông tin lộ giới, chỉ giới xây dựng theo quy hoạch. Các xã đã thực hiện công bố, công khai quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới và quy chế quản lý tại khu trung tâm hành chính Ủy ban nhân dân xã, trụ sở các ấp và nơi cộng cộng, các khu dân cư, đồng thời trích nội dung thông báo trên đài truyền thanh xã. Đã thực hiện lắp đặt 177 bảng thông tin lộ giới, chỉ giới xây dựng theo quy hoạch nông thôn mới trên 95 tuyến đường các xã, ấp. Đồng thời, thường xuyên rà soát điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

**2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu**

Hạ tầng thiết yếu được xem là cơ sở nền tảng để tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất, sinh hoạt của người dân nên được thành phố và các xã quan tâm thực hiện.

**2.2.1. Về Giao thông**

Xác định giao thông nông thôn là một trong những tiêu chí quan trọng trong xây dựng nông thôn mới, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hoàn thành các tiêu chí khác. Thời gian qua, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp và nguồn lực trong nhân dân để xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn. Từ năm 2011 đến nay, đã đầu tư xây dựng mới 49,812 km đường giao thông nông thôn đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, với tổng kinh phí 125.559 triệu đồng.

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường thành phố gồm 38 tuyến, chiều dài 57,621 km: Đã được nhựa hóa và bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 38/38 tuyến, có tổng chiều dài 57,621 km, đạt tỷ lệ 100%.

- Đường trục ấp, liên ấp gồm 55 tuyến, chiều dài 61,901 km: Đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải 48/48 tuyến, có tổng chiều dài 47,723 km, đạt tỷ lệ 77,10%.

- 06/06 xã có 100% đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, không có đường trục chính nội đồng.

**2.2.2. Về Thủy lợi**

Các công trình cống đập và hệ thống kênh mương nội đồng được đầu tư nâng cấp, cải tạo; các xã thường xuyên tổ chức nạo vét, phát hoang, khai thông dòng chảy định kỳ đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và nhu cầu dân sinh.

- Hàng năm, các xã tổ chức nạo vét bằng thủ công khoảng 55 km kênh mương nội đồng khai thông dòng chảy đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Các công trình cống đập trên địa bàn các xã được kiểm tra nâng cấp, vận hành đảm bảo thời gian quy định. Đã xây dựng 01 công trình bờ bao, 03 cống ngăn mặn; kiên cố hóa 10 bửng cống phục vụ tưới tiêu, với tổng kinh phí khoảng 06 tỷ đồng.

- 06/06 xã đã thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hàng năm xây dựng kế hoạch ứng phó với các tình huống cụ thể, đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu khi có tình huống xảy ra. 100% cán bộ tham gia công tác phòng chống thiên tai và người dân vùng xung yếu có thể bị ảnh hưởng của thiên tai được tập huấn. Thường xuyên duy trì, củng cố đội xung kích phòng, chống thiên tai nòng cốt là lực lượng dân quân, đáp ứng yêu cầu khi có thiên tai.

**2.2.3. Về Điện**

Năm 2011, trên địa bàn các xã có tổng cộng 172 trạm biến áp, 36,76 km đường dây trung thế và 121,2 km đường dây hạ thế. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt ngày càng cao của người dân, trong những năm Điện lực thành phố không ngừng đầu tư nâng cấp các trạm biến áp, hệ thống dây truyền tải điện nhằm nâng cao chất lượng nguồn điện đáp ứng tốt nhu cầu của người dân với tổng kinh phí 29,24 tỷ đồng. Đến nay có 255 trạm biến áp, 80,06 km đường dây trung thế và 164,5 km đường dây hạ thế đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn cho16.666/16.666 hộ, đạt tỷ lệ 100%.

**2.2.4. Về Trường học**

Hệ thống trường lớp được quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn hóa, phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Các xã có 17 đơn vị trường học, trong đó có 03 trường Mầm non, 03 trường Mẫu giáo, 07 trường tiểu học và 04 trường Trung học cơ sở. Từ năm 2011-2019, đã đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất 05 cấp trường (01 trường Mẫu giáo, 01 trường Tiểu học, 03 trường Trung học cơ sở), với tổng kinh phí 49,164 tỷ đồng. Đến nay, 17/17 đơn vị trường học trên địa bàn các xã có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đã đạt chuẩn quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn các xã còn có 01 trường mầm non ngoài công lập, 07 nhóm trẻ để góp phần đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ đến trường.

**2.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa**

Trước thời điểm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, hầu hết các xã không đạt tiêu chí cơ sở vật chất. Từ năm 2011 đến nay, cơ sở vật chất văn hóa được quan tâm đầu tư nâng cấp, xây dựng mới đảm bảo theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể: 06/06 xã có Trung tâm văn hóa - thể thao xã đạt chuẩn; 06/06 xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định; có 35/35 ấp có tụ điểm sinh hoạt văn hóa gia đình, nhà văn hóa, khu thể thao ấp (trong đó có 08 ấp sinh hoạt tại đình, miếu và khu du lịch sinh thái...). Cơ sở vật chất văn hoá tại các xã nông thôn mới đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí của người dân nông thôn. Các Nhà văn hóa vừa là nơi diễn ra các cuộc họp dân để phổ biến các chủ trương, chính sách của Trung ương, địa phương, đây cũng là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa tinh thần, các hội thi, hội diễn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các dịp lễ, tết…

**2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Hiện tại, 06/06 xã có chợ đạt tiêu chí chợ nông thôn, trong đó có 02 chợ do tư nhân đầu tư. Về mô hình quản lý chợ, có 02 chợ do Ủy ban nhân dân xã quản lý và 02 chợ do Ban Quản lý chợ thành phố quản lý, 02 chợ do tư nhân quản lý. Từ năm 2011 đến nay, đã đầu tư cải tạo, xây dựng mới chợ nông thôn với tổng kinh phí là 8.279,697 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp 7.025,497 triệu đồng. Ngoài ra, trên địa bàn Thành phố Bến Tre có 05 chợ truyền thống tại các phường, 01 siêu thị Co.op Mart, 01 Trung tâm thương mại sense city, Trung tâm thương mại Bến Tre, 02 cửa hàng tiện ích trên địa bàn phường Phú Tân và Phường 6; 07 cửa hàng Bách hoá xanh và 10 cửa hàng VinMart+; Chợ đêm Bến Tre, Phố du lịch ẩm thực đêm Bến Tre… đã đáp ứng phong phú được nhu cầu mua sắm của người dân.

**2.2.7. Về Thông tin và truyền thông**

- Thông tin truyền thông là một tiêu chí quan trọng trong quá trình xây dựng nông thôn mới, đây là một công cụ nhằm truyền tải các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về chương trình tới người dân, ngoài ra còn góp phần thông tin tuyền truyền, vận động người dân tham gia hưởng ứng các phong trào trong xây dựng nông thôn mới. Chính vì vậy, việc đầu tư phát triển hệ thống thông tin truyền thông cấp cơ sở luôn được quan tâm chú trọng. 100% xã (06/06) có bưu điện văn hóa xã đã đáp ứng nhu cầu cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính cho tổ chức, cá nhân tại địa phương. Dịch vụ viễn thông, Internet đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy cập cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn. 06/06 xã có Đài truyền thanh phát bằng phương thức hữu tuyến và đảm bảo chuyển tải thông tin đến người dân toàn xã. Hệ thống tiếp âm phát thanh thường xuyên kiểm tra và sửa chữa kịp thời nhằm duy trì tốt công tác thông tin tuyên truyền từ Thành phố, Tỉnh và Trung ương.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành thực hiện tốt: Các xã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành công việc bằng phần mềm I-Office. Tất cả cán bộ, công chức đều được tập huấn và sử dụng thành thạo phần mềm quản lý văn bản điều hành. Có sử dụng hệ thống thư công vụ, đảm bảo thực hiện việc gửi và nhận những công việc chung của cơ quan; thực hiện ứng dụng phần mềm I-Gate trong việc đăng ký hồ sơ qua mạng.

**2.2.8. Về Nhà ở dân cư**

Thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố có 6/6 xã đều không đạt tiêu chí Nhà ở dân cư. Trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, cấp ủy Đảng, chính quyền xác định tiêu chí nhà ở dân cư là góp phần quan trọng để xây dựng bộ mặt nông thôn và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Đã phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tích cực vận động người dân chủ động xây dựng, chỉnh trang nhà cửa và các công trình phụ đảm bảo vệ sinh, gọn gàng, sạch đẹp. Từ năm 2011 đến nay, thông qua các cuộc vận động đã hỗ trợ xây mới và nâng cấp, sửa chữa cho hộ nghèo, hộ chính sách được 247 căn nhà, với tổng kinh phí 4.510 tỷ đồng. Vì vậy, đến nay trên địa bàn 06/06 xã không còn nhà tạm, dột nát.

Tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn của Bộ Xây dựng là 16.029/18.645 căn, đạt 85,97%.

**2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân**

**2.3.1. Về sản xuất nông nghiệp**

Mục tiêu xây dựng nông thôn mới là nâng cao thu nhập ổn định cuộc sống cho người dân các xã, do đó bên cạnh việc tập trung nguồn lực đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thành phố Bến Tre đã tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp theo vùng quy hoạch, theo hướng tập trung, sản xuất hàng hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bền vững. Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 về thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 1757/KH-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc Phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố đến các ban, ngành, đoàn thể thành phố và các xã để triển khai thực hiện.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã mang lại một số kết quả điển hình như: ứng dụng công nghệ trong sản xuất bưởi da xanh theo tiêu chuẩn VietGAP, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm của địa phương, mô hình nông nghiệp đô thị phát triển, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện đại phương... Từ năm 2011 đến nay, các xã thực hiện chuyển đổi 98,2 ha đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác như dừa xiêm, bưởi da xanh…, phát triển các mô hình nông nghiệp đô thị như trồng rau sạch trong nhà kín, ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt, tiết kiệm nước kết hợp với bón phân trên vườn bưởi, mô hình trồng nha đam mỹ, mô hình cây dược liệu, hoa kiểng, chuối cấy mô… đem lại hiệu quả kinh tế cho người dân. Đã có 50 ha bưởi da xanh sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, 10 ha dừa xiêm xanh theo tiêu chuẩn hữu cơ. Các xã đã thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã trong sản xuất và thực hiện ký các hợp đồng dịch vụ liên kết đầu vào – đầu ra, từ đó sản phẩm nông nghiệp do người dân tạo ra được ổn định. Đã thành lập được 06 hợp tác xã nông nghiệp, có 446 thành viên; 42 tổ hợp tác theo Nghị định số 151/2017/ND-CP của Chính phủ, có 630 thành viên. Hiện nay, các xã đang tiếp tục thực hiện kế hoạch tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng chất lượng, hiệu quả, nâng cao thu nhập cho người dân. Ngoài ra, các xã kết hợp phát triển mô hình nông nghiệp đô thị với du lịch sinh thái, đã hình thành 02 điểm du lịch sinh thái tại xã Bình Phú và xã Phú Nhuận… mỗi năm thu hút hàng ngàn người dân đến tham quan, vui chơi giải trí…

- Bên cạnh đó, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được các xã chú trọng, hàng năm các xã phối hợp các phòng, ban, ngành và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thành phố tổ chức từ 01 đến 02 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn (mỗi lớp từ 25 đến 30 học viên), từ 03 đến 05 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trong trồng trọt. Tay nghề người lao động nông thôn được nâng cao, mạnh dạn áp dụng chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân.

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố theo hướng phù hợp với địa bàn đô thị, gắn với phát triển du lịch sinh thái được chú trọng ở các xã, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Việc vận dụng các nguồn vốn từ tỉnh, thành phố để triển khai thực hiện các mô hình đem lại hiệu quả kinh tế, tạo ra sản phẩm hàng hóa chất lượng nâng cao thu nhập cho người dân. Hình thành và phát triển các mối liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 1,31%/năm.

**2.3.2. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ**

- Hoạt động thương mại – dịch vụ phát triển nhanh, với đa dạng ngành, hàng và phát triển đều khắp trên địa bàn các xã, trong đó có khá nhiều loại hình kinh doanh, dịch vụ tiện ích như siêu thị điện máy chợ lớn, hệ thống cửa hàng bách hóa xanh,… đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Trên địa bàn các xã có trên 2.015 doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và góp phần tăng tổng mức doanh thu thương mại – dịch vụ cho thành phố, năm 2019 tăng 14,16% so với năm 2018; tổng doanh thu thương mại – dịch vụ ước đạt 34.994 tỷ đồng.

- Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp hoạt động ổn định, duy trì phát triển, góp phần tăng giá trị sản xuất. Các xã có khoảng 310 doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở này không ngừng đầu tư xây mới, mở rộng và nâng cấp, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất, tập trung chế biến nông sản, nhất là các sản phẩm từ dừa, với tổng kinh phí trên 10 tỷ đồng, trong đó vốn khuyến công quốc gia tỉnh hỗ trợ 2,685 tỷ đồng. Giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp thành phố ước đạt 3.100 tỷ đồng.

**2.3.3. Thu nhập**

- Thu nhập bình quân đầu người các xã hàng năm được nâng lên, năm 2019 đạt 45,88 triệu đồng/người/năm, tăng 30,63 triệu đồng/người/năm so với năm 2010.

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 bình quân trên địa bàn các xã là 0,95%, giảm 2,29% so với năm 2010.

**2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường**

**2.4.1. Về giáo dục**

- Các xã đạt và duy trì thành quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, trung học cơ sở mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 2 gồm 06/06 xã, tỷ lệ 100%.

- Học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học Trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt 1.745/1.881 học sinh, tỷ lệ 92,77%, tăng 3% so với năm 2010.

- Hiệu quả của Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng được nâng lên, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Công tác đào tạo nghề, được quan tâm thực hiện, đến nay tỷ lệ lao động qua đào tạo bình quân trên địa bàn xã là 60,28%, tăng 35,78% so với năm 2010.

**2.4.2.** **Về y tế**

- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân; chương trình chăm sóc, bảo vệ trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng bình quân hàng năm đạt trên 95%, đảm bảo 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ Bảo hiểm Y tế; chất lượng khám, chữa bệnh và chính sách bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách xã hội được thực hiện ngày càng tốt hơn. Mức độ hưởng thụ và tiếp cận các dịch vụ y tế của người dân tăng lên rõ rệt. Công tác phòng, chống dịch bệnh được giám sát chặt chẽ. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được tuyên truyền thường xuyên bằng nhiều hình thức, hàng năm đều có kế hoạch kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm. Trạm y tế các xã được đầu tư xây dựng mới đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo công tác khám chữa bệnh góp phần cải thiện đáng kể tình trạng sức khỏe cho người dân vùng nông thôn. Các xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020.

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm Y tế trên địa bàn các xã đạt 84,66% (51.753/61.127 người).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) bình quân trên địa bàn các xã được kéo giảm còn 4,91% (140/2.849 trẻ).

**2.4.3. Về văn hóa**

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đô thị văn minh" gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới được tiếp tục thực hiện và nâng chất hàng năm nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao đổi mới nội dung, hình thức, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

- Có 100 % ấp trên địa bàn các xã đã xây dựng quy ước của ấp thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn đoàn kết, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, gắn với xây dựng nông thôn mới góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, tạo niềm tin trong nhân dân.

- Có 06/06 xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới, có 32/35 ấp đạt ấp văn hóa. Hàng năm, các xã, ấp đều xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch hoạt động, nâng chất và xây dựng ấp văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới; tích cực vận động nhân dân tham gia thực hiện nâng chất các tiêu chí ấp văn hóa, xây dựng xã văn hóa nông thôn mới. Hồ sơ sổ sách về xây dựng xã văn hóa nông thôn mới, ấp văn hóa đều được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

**2.4.4. Về môi trường và An toàn thực phẩm**

Gắn với thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đô thị văn minh" các xã có những hoạt động tích cực để bảo vệ môi trường. Tích cực vận động nhân dân, các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất kinh doanh thường xuyên thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường như: trồng cây xanh cải tạo cảnh quang môi trường các tuyến đường, ngõ, xóm và giữ gìn môi trường sống, chỉnh trang vườn, nhà, hàng rào, cổng, ngõ, thu gom rác thải... Phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội để triển khai trong các cấp hội thực hiện các công trình phần việc của hộ gia đình góp phần thực hiện đạt tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

- Về sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch: Trên địa bàn thành phố Bến Tre có Công Cổ phần cấp nước Bến Tre đã phục vụ tốt nhu cầu nước sinh hoạt của người dân. Đến nay có 16.403/16.403 hộ trên địa bàn 06 xã sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 100%, trong đó sử dụng nước sạch theo quy chuẩn quốc gia 15.731/16.403 hộ, đạt tỷ lệ 95,90%.

- Về tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường: Trên địa bàn 06 xã có 235 cơ sở sản xuất kinh doanh, trong đó có 235/235 cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn đều đăng ký cam bảo vệ môi trường và thực hiện cam kết môi trường, đạt tỷ lệ 100%.

- Về xây dựng cảnh quang môi trường xanh-sạch-đẹp: 06/06 xã trên địa bàn thành phố đều có thành lập Tổ bảo vệ môi trường và thường xuyên tổ chức ra quân tổng vệ sinh và vận động người dân xung quanh tham gia; đường làng, ngõ xóm từng bước xanh-sạch-đẹp, người dân thường xuyên cải tạo vườn tược, chỉnh trang hàng rào và trồng cây xanh trên các tuyến đường liên xã, ấp, nạo vét thông thoáng các đường thoát nước, mương vườn, kênh nội đồng phục vụ cho tiêu thoát nước và tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp.

- Về nghĩa trang có quy hoạch và mai táng phí phù hợp với quy định: 06/06 xã có quy hoạch nghĩa trang, việc mai táng đều được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp với tín ngưỡng, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh của người dân.

- Về chất thải rắn, nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất, kinh doanh được thu gom xử lý theo quy định:

+ Thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt: 06/06 xã có triển khai đăng ký thu gom rác, có thành lập các tổ thu gom rác tại các xã, vận chuyển ra điểm thu gom tập trung và hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre vận chuyển về điểm xử lý theo quy định.

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn các xã đều có đầu tư hệ thống xử lý chất thải, không phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

+ Khu dân cư tập trung không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng.Nước thải hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường, không tạo thành các vũng, ao tù nước đọng.

+ Khu dân cư tập trung Mỹ Thạnh An: có điểm thu gom nước thải sinh hoạt, có xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và xử lý nước thải đạt theo quy định trước khi thải ra kênh rạch.

+ Thu gom rác thải Y tế: Các cơ sở Y tế đều có phân loại rác, được thu gom xử lý theo quy định đạt tỷ lệ 100%.

+ 06/06 xã có xây dựng và ban hành quy ước về bảo vệ môi trường.

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Trên địa bàn 06 xã có 16.348/16.403 hộ có nhà tắm kín đáo, đạt tỷ lệ hộ 99,66%; có 16.112/16.403 hộ có hố xí hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 98,28%; có16.292/16.403 hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 99,32%; có 15.899/16.403hộ đảm bảo 3 sạch, đạt tỷ lệ 96,93%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: 06/06 xã có 649 hộ chăn nuôi, trong đó có 648/649 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 99,84%.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 06/06 xã có 665/665 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, có 1.849/1.849 hô thuộc quản lý của ngành nông nghiệp đã ký Cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm.

**2.5. Về xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh và giữ gìn an ninh, trật tự xã hội**

**2.5.1. Về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật**

Nhìn chung, qua 10 năm triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới chất lượng hoạt động của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến xã, ấp được nâng lên; công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đã được triển khai kịp thời đến người dân và đã được cụ thể trong kế hoạch hàng năm của từng đơn vị.

- Về xây dựng đội ngũ cán bộ công chức: 100% cán bộ, công chức đủ về số lượng, chất lượng, theo quy định. Trình độ đội ngũ cán bộ, công chức không ngừng được nâng lên và đạt chuẩn theo quy định; hàng năm công tác đào tạo – bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị được tiếp tục quan tâm và chú trọng.

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã có 141 người, trong đó:

+ Về chuyên môn Đại học và sau Đại học 98 người (đạt tỷ lệ 69,50%), Cao đẳng – Trung cấp 39 người (đạt tỷ lệ 27,66%);

+ Về lý luận chính trị: cao cấp 16 người (đạt tỷ lệ 11,34%), trung cấp 73 người (đạt tỷ lệ 51,77 %), sơ cấp 39 người (đạt tỷ lệ 27,66%).

- Về tổ chức chính trị: 06/06 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Các tổ chức chính trị đều được tổ chức đầy đủ; hệ thống chính trị luôn được củng cố, kiện toàn, đảm bảo đầy đủ cả về số lượng và chất lượng, do đó chất lượng hoạt động không ngừng nâng lên.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến xã đã thể hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội và cùng chính quyền trong xây dựng nông thôn mới; hàng năm đều xây dựng kế hoạch lồng ghép 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới với 5 nội dung cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đô thị văn minh". Phối hợp tốt trong công tác chăm lo cho người nghèo, gia đình chính sách, người có công, xây dựng nhà đại đoàn kết, làm đường giao thông nông thôn, thắp sáng đường thôn, vệ sinh môi trường,... Vận động nhân dân hiến đất, ngày công làm đường giao thông nông thôn, phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo bền vững, phát động phong trào tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trong cộng đồng dân cư.

- Về Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn *“Trong sạch vững mạnh”*: Đảng bộ, chính quyền các xã đạt danh hiệu hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt tiêu chuẩn *"Trong sạch, vững mạnh*" theo quy định.

- Tổ chức chính trị - xã hội của 06/06 xã hàng năm được đánh giá, công nhận đạt danh hiệu tiên tiến trở lên.

- Về xây dựng các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: 100% xã được Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Công tác bình đẳng giới được cấp ủy các cấp đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn quy hoạch lãnh đạo nữ tại 100% xã trên địa bàn thành phố. Hiện 06/06 xã có lãnh đạo nữ giữ một trong các chức danh chủ chốt (Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Phụ nữ thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các nguồn vốn vay, nguồn vốn hỗ trợ chính sách... Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. Các xã thường xuyên tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức (hội họp, tờ bướm...), phát thanh các chuyên mục về bình đẳng giới. 100% xã bố trí các địa chỉ tin cậy cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình.

**2.5.6. Về Quốc phòng và An ninh**

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Hàng năm, Ủy ban nhân dân các xã chỉ đạo thực hiện xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Ban Chỉ huy quân sự và dân quân các xã đảm bảo yêu cầu về số lượng biên chế, chất lượng chính trị và huấn luyện kỹ chiến thuật; cán bộ Ban Chỉ huy quân sự các xã đảm bảo biên chế, chuyên môn nghiệp vụ quân sự theo quy định. Xây dựng đầy đủ các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn theo quy định; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu được giao và đảm bảo chất lượng. Đảm bảo 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương được đăng ký ngạch dự bị và quản lý chặt chẽ; 100% quân nhân dự bị, phương tiện dự bị được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao; quản lý tốt nguồn thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân tự vệ theo quy định.

- 06/06 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma tuý, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) được kéo giảm, giảm liên tục so với các năm trước. Hàng năm, Công an Thành phố Bến Tre, Công an các xã xây dựng kế hoạch phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các xã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và người dân chấp hành nghiêm các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật Nhà nước, trong đó chú trọng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Đồng thời, đặc biệt quan tâm đến công tác tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình tự quản, phòng, chống tội phạm hiệu quả. Công tác bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở đã thành lập, củng cố lực lượng nồng cốt và luôn duy trì hoạt động tốt trong công tác an ninh trật tự ở khu vực nông thôn như: xã có trung đội cơ động, ấp có tiểu đội dân quân tại chổ, tổ nhân dân tự quản, Đội dân phòng...

- Không để xảy ra các vụ trọng án trên địa bàn; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiềm chế. Lực lượng Công an xã thường xuyên củng cố, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bố trí đủ biên chế và đảm bảo công tác giữ gìn an ninh, trật tự tại địa phương.

Nhìn chung, qua 10 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội các năm qua luôn được giữ vững, ổn định và đảm bảo bình yên. Trên địa bàn các xã không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không có vụ việc khiếu kiện đông người. Cấp uỷ, chính quyền các cấp đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, thường xuyên nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, giải quyết kịp thời những bức xúc của nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, làm tốt công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm và các tai tệ nạn xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh nông thôn đã tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Bến Tre và 06 xã nông thôn mới.

**V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những mặt đã làm được**

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị từ thành phố đến các xã đã tích cực chỉ đạo để thực hiện toàn diện các nội dung của chương trình, trong đó tập trung quyết liệt lãnh đạo, tổ chức quán triệt các văn bản của Trung ương, Tỉnh, Thành phố về xây dựng nông thôn mới, đề ra các biện pháp, giải pháp thực hiện, nhân rộng các cách làm hay, sáng tạo từ đó đạt được một số kết quả nhất định. Bộ máy chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo của thành phố đến xã được kiện toàn đồng bộ; công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình được thực hiện thường xuyên có hiệu quả…

- Các chủ trương, chính sách của Trung ương, tỉnh, các ngành được thực hiện nghiêm túc, tạo điều kiện cho các xã thực hiện đạt các tiêu chí, đến nay 06/06 xã của thành phố đều được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Từ đó bộ mặt nông thôn mới cơ bản đã có thay đổi rõ nét, diện mạo nông thôn được khởi sắc, đời sống của người dân ngày càng được nâng lên.

- Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực, sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về nội dung, mục đích, ý nghĩa xây dựng nông thôn mới, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân, từng bước nâng cao nhận thức cán bộ và nhân dân về lợi ích, trách nhiệm trong việc xây dựng nông thôn mới.

- Công tác đầu tư hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm thực hiện tích cực, đồng bộ, hiệu quả. Cơ chế chính sách đồng bộ trong hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới tạo nên bước đột phá, thu hút được một lượng khá lớn nguồn lực đối ứng của địa phương, cộng đồng dân cư tham gia xây dựng và giúp cho nhân dân bớt đi gánh nặng trong việc đóng góp tiền của trong quá trình xây dựng nông thôn mới, là động lực khơi dậy các nguồn lực, khắc phục khó khăn trông chờ cấp trên, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới ở tất cả các địa phương trên địa bàn thành phố Bến Tre.

- Việc phát động và thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” nhận được sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình của ban, ngành, các tổ chức đoàn thể và nhân dân trên địa bàn thành phố. Cấp ủy, chính quyền các cơ quan đơn vị từ thành phố đến các xã đã nhận thức rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phong trào thi đua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; đồng thời cụ thể hóa phong trào bằng những chương trình, kế hoạch, việc làm cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị, địa phương. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến các xã đã tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới một cách thiết thực, hiệu quả như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đô thị văn minh”, “5 không 3 sạch”… Các xã đã xuất hiện nhiều gương điển hình đóng góp vật chất, ủng hộ vào xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện tốt công tác Dân chủ ở cơ sở “Dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra và dân hưởng thụ”. Phong trào xây dựng nông thôn mới đã đem lại lợi ích trực tiếp cho chính người dân, từ đó người dân hăng hái tham gia hưởng ứng cùng chung sức thực hiện tốt các nội dung tiêu chí.

- Chương trình cơ cấu lại ngành nông ngiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đã được quan tâm tập trung chỉ đạo một cách đồng bộ, công tác chuyển giao khoa học công nghệ, tổ chức lại sản xuất, đào tạo nghề và giải quyết việc làm đã tạo cơ hội cho người nông dân phát triển kinh tế hộ gia đình, liên kết tổ chức sản xuất góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao, đời sống người dân tại các xã từng bước được cải thiện. Thu nhập bình quân của người dân tại 06 xã năm 2019 đạt 45,88 triệu đồng/người/năm, chất lượng cuộc sống của người dân ngày càng được nâng lên đáng kể; tỷ lệ hộ nghèo hàng năm được kéo giảm.

- Công tác vệ sinh môi trường nông thôn đã chuyển biến tích cực, cảnh quang môi trường nông thôn ngày càng được đảm bảo xanh, sạch, đẹp. Tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn các xã được giữ vững, kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển biến theo hướng tích cực, từng bước thu hẹp dần khoảng cách giữa thành thị với nông thôn.

- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh cho nhân dân ngày một đáp ứng tốt hơn. Xây dựng thêm nhiều trường đạt chuẩn quốc gia; chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ em được nâng cao. Hệ thống chính trị từ thành phố đến các xã, trong sạch, vững mạnh; đội ngũ cán bộ, công chức các xã đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

**2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

# 2.1. Tồn tại, hạn chế

- Trong các năm đầu mới triển khai thực hiện chương trình còn gặp nhiều lúng túng; vai trò chủ thể xây dựng nông thôn mới chưa được quán triệt đầy đủ trong cán bộ và nhân dân, còn nhiều kiến nghị, đề nghị ở cơ sở là những phần việc thuộc về người dân. Người dân có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước, chưa tích cực tham gia thực hiện dẫn đến hiệu quả công việc thấp, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình tại địa phương.

- Công tác tuyên truyền vận động đối với việc cải thiện môi trường hiệu quả chưa cao, một số ít số hộ gia đình chưa có hố xí tự hoại vẫn còn ở một số xã; cảnh quan môi trường chưa được chú trọng; công tác vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện còn nhiều khó khăn.

- Mặc dù công tác tuyên truyền về tính ưu việt của các hình thức sản xuất liên kết, tập thể và tham gia Hợp tác xã được truyền thông rộng rãi nhưng việc tiếp nhận của người dân còn hạn chế, do đó hiệu quả chưa cao. Một bộ phận người dân còn thờ ơ, chủ yếu là nông dân chưa năng động trong sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, còn chờ đợi vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Các mô hình phát triển sản xuất bước đầu có mang lại hiệu quả nhưng quy mô còn nhỏ, sức lan tỏa còn chậm, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất còn hạn chế.

- Việc huy động người dân tham gia các lớp dạy nghề cũng gặp nhiều khó khăn, do người lao động phải tiếp tục lao động nên không tham gia thường xuyên vào các lớp, một số nghề (lĩnh vực nông nghiệp) chưa đủ số lượng để mở lớp và một bộ phận người lao động chưa quan tâm đến việc học nghề, vẫn còn trình trạng nhiều học viên sau khi được đào tạo nghề vẫn không phát huy được nghề đã học.

# 2.2. Nguyên nhân

# - Thành phố đang trong quá trình đầu tư kết cấu hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, đô thị nên diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, người dân còn sản xuất manh mún, nhỏ lẻ.

# - Biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét với tầng suất thiên tai ngày càng nhiều, diễn biến hết sức phức tạp làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát và gây hại trên diện rộng, sản xuất rủi ro cao, lợi nhuận thấp.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền ở các xã còn thiếu sâu sát, quyết liệt, thiếu tính chủ động trong việc thực hiện Chương trình; công tác chỉ đạo từ khâu tuyên truyền đến khâu ra quân đồng loạt có lúc chưa kịp thời.

# 3. Bài học kinh nghiệm

- Chương trình xây dựng nông thôn mới là một Chương trình tổng thể về chính trị - kinh tế - xã hội và về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Vì vậy để thực hiện có kết quả tốt phải có quyết tâm cao, có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chủ động, sáng tạo, sâu sát, liên tục của các cấp ủy, chính quyền, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp và của Ban chỉ đạo để huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc cùng với sự quan tâm của toàn xã hội. Điều này có ý nghĩa quan trọng dẫn dắt và thúc đẩy thực hiện Chương trình.

- Sự vào cuộc đồng bộ của toàn hệ thống chính trị các cấp là điều kiện tốt nhất để Nghị quyết được triển khai và thực hiện đạt kết quả tốt. Trong đó có sự chủ động của người dân trong đầu tư sản xuất, kinh doanh, xây dựng cuộc sống và có trách nhiệm với cộng đồng.

- Chú trọng bồi dưỡng bổ sung kiến thức nông thôn mới cho người đứng đầu các ban, ngành đoàn thể để đảm bảo nắm vững, sâu sát, cặn kẽ để làm tốt công tác tuyên truyền, công tác dân vận tạo đồng thuận của người dân. Phát huy vai trò chủ thể của người dân, tích cực của các ấp trong xây dựng nông thôn mới là yếu tố quyết định cho sự thành công của Chương trình. Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động phát huy tính chủ động và sáng tạo của người dân.

- Nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, thực sự quan tâm tới lợi ích thiết thực của dân trong việc quyết định lựa chọn nội dung, quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới. Tùy theo tình hình thực tế của từng xã để huy động các nguồn lực vừa đảm bảo được mục tiêu, vừa huy động được sức dân và nguồn lực khác của địa phương. Đề cao trách nhiệm của người dân đối với cộng đồng, chủ động lồng ghép các chương trình, lựa chọn những dự án cần ưu tiên, phù hợp với điều kiện thực tế, nguồn kinh phí để thực hiện chương trình sẽ có tính thực tiễn và hiệu quả hơn, người dân thể hiện vai trò nhiều hơn.

- Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện phải có kế hoạch, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đề ra để có sự điều chỉnh và có giải pháp phù hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng để động viên kịp thời các địa phương làm tốt, các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho Chương trình.

**VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2020-2025**

**1. Quan điểm**

# - Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; là cuộc vận động toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, thực hiện nông thôn mới theo hướng tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt, đảm bảo luôn phát triển, ổn định và bền vững, trong đó cấp ủy đảng và chính quyền đóng vai trò lãnh đạo, điều hành, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể đóng vai trò nòng cốt trong vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện.

# - Kế thừa và phát huy các kết quả đã đạt được, bên cạnh đó việc nâng chất các tiêu chí thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới phải dựa vào nội lực của cộng đồng là chính, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia và thực hiện với phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng” góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh.

# 2. Mục tiêu

# 2.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới ngày càng giàu đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất phù hợp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển ngày càng hiện đại. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp đi đôi với phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với xây dựng đô thị theo quy hoạch. Xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, an ninh trật tự xã hội được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, nâng cao.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tiếp tục giữ vững, nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 06 xã, xây dựng các ấp đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và mô hình sản xuất kiểu mẫu theo quy định, hướng tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Phấn đấu đến năm 2025, trên địa bàn thành phố có 100% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, 50% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Huy động mọi nguồn lực tiếp tục đầu tư, phát triển hạ tầng đô thị, thu hút đầu tư vào khu, cụm công nghiệp và hạ tầng dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2025 thu nhập bình quân của các xã đạt trên 67,95 triệu đồng/người/năm.

**3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới**

**3.1. Về Quy hoạch**

Tiếp tục hoàn thiện và cụ thể hóa quy hoạch, rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương trong đó, quy hoạch cần quan tâm gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển công nghiệp dịch vụ. Trong quá trình rà soát điều chỉnh quy hoạch cần quan tâm đến yếu tố hài hòa, bảo vệ cảnh quan, môi trường, bảo đảm tính liên kết tỉnh và liên kết vùng.

**3.2. Về hạ tầng kinh tế xã hội**

**3.2.1 Về Giao thông**

Huy động, lồng ghép các nguồn lực nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế. Thực hiện tốt việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống giao thông theo phân cấp; hàng năm, có cân đối nguồn ngân sách bố trí kinh phí để thực hiện.

**3.2.2. Về Thủy lợi**

- Tiếp tục rà soát, đầu tư xây dựng, cải tạo hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi hợp lý, kịp thời việc ứng phó tình hình biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đô thị hóa. Tổ chức quản lý, khai thác tốt các công trình thủy lợi đã được đầu tư.

- Rà soát kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã; đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai, tuyên truyền và phổ biến, tập huấn kiến thức phòng chống thiên tai cho người dân ở khu vực thường xuyên ảnh hưởng do thiên tai gây ra.

**3.2.3. Về Điện**

Duy trì 100% các xã đạt chuẩn tiêu chí số 4 về Điện. Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn điện đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về sử dụng điện hiện nay của người dân, không để tình trạng thiết bị điện cũng như chất lượng nguồn điện kém, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất cũng như sinh hoạt của người dân.

**3.2.4. Về Trường học**

- Tập trung ưu tiên huy động lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn các xã, đảm bảo đạt và duy trì đạt chuẩn quốc gia theo tỷ lệ quy định.

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo đảm bảo chất lượng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục, giữ gìn nề nếp, kỷ cương, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục mầm non nhằm mở rộng và phát triển hệ thống trường, nhóm trẻ ngoài công lập để đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ, nâng cao công tác giáo dục, nuôi dạy trẻ bậc mầm non.

**3.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa**

- Tiếp tục đầu tư củng cố, nâng cấp nhà văn hóa ấp đạt chuẩn theo quy định. Giao nhiệm vụ các đơn vị chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị xã, phường tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao; trang bị thêm thiết bị cần thiết, khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất được đầu tư... thu hút được người dân đến sử dụng.

- Đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng tác nghiệp cho cán bộ phụ trách phong trào ở cơ sở; duy trì và phát triển tốt các loại hình văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, làm phong phú thêm đời sống tinh thần người dân.

**3.2.6. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**

Rà soát, bổ sung quy hoạch đồng thời đổi mới mô hình đầu tư, quản lý, kinh doanh và khai thác chợ trên địa bàn. Tiếp tục thu hút đầu tư cơ sở vật chất các chợ trên địa bàn các xã, phục vụ nhu cầu kinh doanh của các hộ tiểu thương, đảm bảo văn minh đô thị, văn minh thương mại.

**3.2.7. Thông tin và Truyền thông**

- Phối hợp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông thực hiện nâng cấp, duy tu, bảo trì các công trình thông tin và truyền thông (Bưu điện văn hóa xã, các tuyến cáp viễn thông, hệ thống phát thanh và truyền thanh cơ sở...) đảm bảo nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ.

- Tiếp tục đảm bảo hoạt động tốt hệ thống loa tiếp âm không dây đến 100% địa bàn khu dân cư. Đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành trong các hoạt động hành chính, công vụ, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước.

**3.2.8. Nhà ở dân cư**

Tiếp tục tuyên truyền, vận động các nguồn lực từ xã hội hóa để tập trung hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; vận động nhân dân cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang nhà ở, cải tạo ao, vườn, sân, ngõ xóm đảm bảo tỷ lệ số nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.

**3.3. Về phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất**

**3.3.1. Về Thu nhập**

Tiếp tục triển khai có hiệu quả phát triển ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đảm bảo nâng cao thu nhập bình quân đầu người tại các xã phấn đấu đạt chuẩn theo quy định. Phấn đấu đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người của khu vực nông thôn đạt trên 67,95 triệu đồng/người/năm.

**3.3.2. Về Hộ nghèo**

Tiếp tục triển khai đồng bộ chương trình giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện và hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi, trực tiếp tham gia các chương trình phát triển kinh tế, hỗ trợ học nghề kết hợp với việc làm cho người nghèo, cận nghèo để thoát nghèo bền vững, góp phần tăng thu nhập và từng bước nâng cao mức sống của người dân. Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của khu vực nông thôn đạt dưới 0,5%.

**3.3. Về tổ chức sản xuất**

Tập trung, tạo điều kiện để phát triển mạnh các tổ hợp tác hiện có tạo nền tảng phát triển thành các hợp tác xã vững mạnh.Vận dụng các cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư liên doanh, liên kết với người dân từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực; hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh, xử lý môi trường… Tập trung chỉ đạo phát triển bưởi da xanh và dừa theo hướng an toàn, hữu cơ và xây dựng các tiêu chuẩn theo nhu cầu thị trường.

**3.4. Về Nâng cao chất lượng về văn hóa, xã hội và môi trường**

**3.4.1. Về Giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học theo quy định. Duy trì và nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 80% trở lên.

- Thực hiện tốt các chính sách về việc làm đối với lao động trong độ tuổi, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tiếp tục quan tâm công tác tư vấn học nghề và việc làm; đặc biệt quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn để thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động có hiệu quả. Xây dựng chính sách hỗ trợ cho người trong độ tuổi lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận vốn vay đi xuất khẩu lao động.

**3.4.2. Về Y tế**

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 95%; duy trì và nâng cấp các Trạm Y tế xã đạt chuẩn quốc gia; nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh và phục vụ y tế ở cơ sở.

- Phấn đấu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) tại 06 xã đạt ở mức dưới 4,5%.

**3.4.3. Về Văn hóa**

- Tiếp tục quan tâm phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hóa, thể thao, từng bước đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân khu vực nông thôn; nghiên cứu, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của địa phương; tổ chức triển khai thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động.

- Đầu tư nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa đồng bộ, xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới; phát triển mạnh các phong trào văn hóa, thể thao cơ sở; bảo tồn và phát huy giá trị tốt đẹp của các hoạt động văn hóa truyền thống. Nâng cao chất lượng và tỷ lệ ấp, hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**3.4.4. Về Môi trường và An toàn thực phẩm**

- Phấn đấu tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn Quốc gia đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi thực hiện xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh và có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đạt theo quy định. Đồng thời, tăng tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn các xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm; duy trì và nâng cao tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm kín đáo; bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 100%.

- Tiếp tục nhân rộng mô hình “5 không, 3 sạch” và phát triển mới nhiều tuyến đường hoa; thường xuyên tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ, cải thiện cảnh quan, môi trường nơi sinh sống và sản xuất. Xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ trong phân loại, thu gom, xử lý rác thải, nước thải từ hộ gia đình, hàng rào cây xanh.

**3.5.** **Về hệ thống chính trị và quốc phòng an ninh**

**3.5.1. Về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:**

- Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở vững mạnh đi đôi với tăng cường sự lãnh, chỉ đạo quyết liệt của các cấp uỷ đảng sự điều hành của Nhà nước, sự vào cuộc của các cấp, các ngành, đoàn thể bằng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, thiết thực để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị tại địa phương.

- Tiếp tục tăng cường tính công khai, minh bạch đi đôi với công tác cải cách thủ tục hành chính và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của người dân đúng quy định pháp luật.

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đạt tiêu chuẩn về chuyên môn và lý luận chính trị, trong đó: các chức danh cán bộ chủ chốt có ít nhất 01 nữ và 100% có trình độ từ đại học trở lên.

- Xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị- xã hội ở cơ sở 100% đạt vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu của tiêu chí; hàng năm có 100% xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

**3.5.2. Về Quốc phòng và An ninh**

Hàng năm, 100% xã hoàn thành tốt các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương và được công nhận “An toàn về an ninh trật tự”. Xây dựng nội quy, quy ước ấp về trật tự, an ninh, phòng, chống các tệ nạn xã hội, tổ chức các mô hình cộng đồng tự quản bảo vệ an ninh trật tự xã hội.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Thành phố Bến Tre hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020 của Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |
| - UBND tỉnh Bến Tre;  - VPĐPCTNTM tỉnh;  - TT. Thành ủy;  - TT. HĐND thành phố;  - CT, các PCT UBND TP (để biết);  - Các thành viên BCĐ các CTMTQG TP;  - UBMTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội TP;  - Trung tâm VH-TT&Truyền thanh TP;  - UBND các xã, phường;  - Lưu: VT, VPĐP. | **CHỦ TỊCH**  **Bùi Minh Tuấn** |